

Tra cứu khả năng xâm phạm sáng chế tại Việt Nam (Freedom to Operate - FTO): Tại sao và Làm thế nào để tiến hành FTO trước khi ra mắt sản phẩm?

Nếu tung sản phẩm ra thị trường Việt Nam mà không tra cứu khả năng xâm phạm sáng chế, hay tra cứu khả năng tự do khai thác (Freedom to Operate - FTO), thì giống như lái xe ban đêm không bật đèn: **vẫn đi được, nhưng cực kỳ nguy hiểm và bạn có thể phải trả giá đắt**. Việt Nam có hệ thống pháp lý riêng mà nếu không hiểu rõ, bạn sẽ dễ rơi vào thế bị động: Từ việc công nhận và bảo hộ cho Giải pháp hữu ích (Utility Solutions), áp dụng học thuyết “tương đương” một cách rộng rãi trong phân tích hành vi xâm phạm, và cho phép các ngoại lệ theo cơ chế phê duyệt lưu hành kiểu “Bolar”. Nhận diện rõ các yếu tố pháp lý nào mang lại lợi ích, và yếu tố nào tiềm ẩn rủi ro, sẽ giúp sản phẩm của bạn cất cánh hay nằm im một chỗ.

Với các doanh nghiệp nước ngoài đang muốn thâm nhập thị trường Việt Nam, việc thực hiện tra cứu FTO không đơn thuần là một thủ tục hành chính cần hoàn tất, mà là một công cụ chủ động và thiết yếu trong quản trị rủi ro và hoạch định chiến lược kinh doanh. Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ, trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu và thu hút lượng lớn vốn đầu tư nước ngoài. Trong bối cảnh đó, coi nhẹ hoặc bỏ qua tra cứu FTO đặt doanh nghiệp đối mặt với nhiều rủi ro: có thể bị kiện vì xâm phạm [bằng sáng chế](#), mất tiền, mất uy tín, và mất cơ hội kinh doanh.

Cần lưu ý rằng, FTO về bản chất là một chiến lược phòng vệ, nhằm tránh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) của bên thứ ba, một mục tiêu hoàn toàn khác biệt so với việc đăng ký bảo hộ sáng chế.

1. Tự do khai thác (Freedom-to-Operate - FTO) là gì?

Tra cứu FTO hay Tra cứu Tự do khai thác (FTO), còn gọi là kiểm tra khả năng triển khai, hoặc kiểm tra rủi ro xâm phạm, là quá trình đánh giá toàn diện nhằm xác định xem một sản phẩm, quy trình hoặc công nghệ có thể được sản xuất, sử dụng hoặc thương mại hóa tại một quốc gia cụ thể mà không vi phạm quyền SHTT hợp lệ và có hiệu lực của bên thứ ba. Khác với các loại [tra cứu sáng chế](#) thông thường, phân tích FTO tập trung vào các “quyền đang có hiệu lực”, bao gồm cả bằng sáng chế đã được cấp và các đơn đăng ký đang chờ xử lý nhưng có khả năng được cấp trong tương lai.

Mục tiêu chính của FTO là nhận diện và giảm thiểu rủi ro pháp lý trước khi sản phẩm được tung ra thị trường hoặc bắt đầu thương mại hóa.

Quy trình FTO không phải là một thủ tục pháp lý mang tính hình thức, mà là một chiến lược kinh doanh cốt lõi. Việc chờ đến khi sản phẩm hoàn thiện mới tiến hành FTO là tư duy rủi ro, có thể dẫn đến việc đầu tư lớn vào một dự án mà sau đó bị chặn bởi một bằng sáng chế đã tồn tại. Ngược lại, nếu doanh nghiệp tích hợp phân tích FTO ngay từ giai đoạn đầu của quá trình nghiên cứu và phát triển, họ có thể sử dụng kết quả để điều chỉnh thiết kế, thay đổi lộ trình sản phẩm hoặc sáng tạo theo hướng tránh xung đột pháp lý trước khi những rào cản đó trở nên không thể vượt qua.

Ngoài ra, một báo cáo FTO được thực hiện bài bản còn là yếu tố then chốt để thu hút đầu tư. Các nhà đầu tư chuyên nghiệp thường xem xét kỹ lưỡng báo cáo FTO trong quá trình thẩm định, nhằm đánh giá mức độ rủi ro pháp lý. Một báo cáo FTO rõ ràng, đáng tin cậy sẽ giúp củng cố niềm tin và đẩy nhanh tiến trình gọi vốn.

2. Vì sao cần một cách tiếp cận FTO riêng biệt tại Việt Nam?

Dùng quy trình tra cứu FTO từ Mỹ hay châu Âu để áp dụng cho Việt Nam là nhận định rủi ro. Việt Nam có hệ thống SHTT với những đặc thù riêng biệt so với các quốc gia khác, và nếu không điều chỉnh cho phù hợp, bạn đang tự đặt mình vào nhiều rủi ro pháp lý.

Hai loại quyền có thể chặn đường ra mắt sản phẩm - không chỉ một:

Tại Việt Nam, một giải pháp kỹ thuật dạng sản phẩm hoặc quy trình có thể được bảo hộ dưới một trong hai hình thức: bằng sáng chế (*có thời hạn 20 năm*) và [giải pháp hữu ích](#) (*có thời hạn 10 năm*). Thoạt nhìn, hai hình thức bảo hộ này có vẻ giống nhau, nhưng thực tế rất khác: Giải pháp hữu ích dễ được cấp hơn vì yêu cầu sáng tạo thấp hơn, và cũng dễ bị bỏ sót nếu bạn chỉ tra cứu “patents” theo kiểu truyền thống.

Một quy trình FTO phù hợp với thị trường Việt Nam bắt buộc phải tìm kiếm và đánh giá cả hai loại quyền này để tránh rơi vào trạng thái “*an toàn giả tạo*”.

Với doanh nghiệp muốn ra mắt sản phẩm tại Việt Nam, điều này có nghĩa là: nếu chỉ rà soát bằng sáng chế mà bỏ qua giải pháp hữu ích, lỗ hổng lớn đang bị bỏ ngỏ. Nếu chỉ tập trung vào bằng sáng chế truyền thống, doanh nghiệp có thể bỏ qua bằng giải pháp hữu ích hợp lệ mà vẫn có khả năng ngăn cản việc gia nhập thị trường, từ đó phát sinh rủi ro vi phạm tiềm ẩn nghiêm trọng nhưng khó nhận diện. Muốn thực hiện tra cứu FTO thực sự hiệu quả ở Việt Nam, bạn phải rà soát cả hai loại quyền. Không có chuyện “làm cho có” hay “tick cho xong”. Đây là bước sống còn để bảo vệ doanh nghiệp khỏi rủi ro pháp lý ngầm nhưng cực kỳ nguy hiểm.

Học thuyết tương đương và cách áp dụng tại Việt Nam

Tại Việt Nam, các cơ quan chức năng, đặc biệt là [Viện Sở hữu trí tuệ Quốc gia](#) (trước đây là VIPRI, nay là **NIIP**), thường dựa vào đánh giá chuyên môn sử dụng phương pháp phân tích theo ba yếu tố: **Chức năng - Cách thức - Kết quả (Function-Way-Result, viết tắt là F-W-R)** để so sánh sản phẩm hoặc quy trình bị cáo buộc với phạm vi bảo hộ của sáng chế. Điều này có nghĩa là, ngay cả khi sản phẩm hoặc quy trình không vi phạm một cách rõ ràng theo cách diễn đạt của bản mô tả sáng chế, vẫn có thể bị coi là xâm phạm nếu nó thực hiện “*về cơ bản cùng một chức năng, theo cách thức tương tự, để tạo ra kết quả tương đương*” với sáng chế đã được bảo hộ.

Phương pháp tiếp cận này đặc biệt quan trọng trong quá trình phân tích Tự do khai thác (FTO), vì nó cho thấy rằng những điều chỉnh nhỏ trong thiết kế - dù nhằm mục đích “*né sáng chế*” - vẫn có thể bị xem là hành vi xâm phạm. Các ý kiến chuyên môn do NIIP cung cấp thường có giá trị thuyết phục cao trong quá trình tố tụng và được tòa án xem xét nghiêm túc.

Nói cách khác, nếu bạn nghĩ rằng chỉ cần “*chỉnh nhẹ*” thiết kế là có thể tránh được rủi ro pháp lý, thì cần hết sức cẩn trọng. Tại Việt Nam, học thuyết tương đương có thể khiến những thay đổi tưởng chừng vô hại trở thành căn cứ để xử lý vi phạm.

Không có cơ chế gia hạn thời hạn bằng sáng chế (Patent-Term Extension – PTE)

Khác với một số quốc gia khác, pháp luật Việt Nam hiện không quy định cơ chế gia hạn thời hạn [bảo hộ sáng chế](#) (PTE) một cách tổng quát. Theo quy định hiện hành, bằng sáng chế tại Việt Nam có hiệu lực trong vòng 20 năm kể từ ngày nộp đơn. Tuy nhiên, thời gian thẩm định kéo dài có thể làm giảm đáng kể giá trị thương mại thực tế của bằng sáng chế trong giai đoạn khai thác.

Dù không có PTE, một điểm đáng chú ý là Nghị định số 65/2023/NĐ-CP đã thiết lập một cơ chế bồi thường giới hạn dành riêng cho các chủ sở hữu bằng sáng chế trong lĩnh vực dược phẩm, trong trường hợp bị chậm trễ trong quá trình xin cấp phép lưu hành sản phẩm. Đây là yếu tố quan trọng mà các doanh nghiệp được cân nhắc kỹ lưỡng khi xây dựng kế hoạch ra mắt sản phẩm và mô hình hóa mức độ tiếp cận thị trường.

Vì vậy, không thể chỉ sao chép quy trình FTO từ hệ thống PCT, Hoa Kỳ hay Liên minh Châu Âu rồi áp dụng toàn bộ cho Việt Nam. Để đảm bảo tính hợp pháp và giảm thiểu rủi ro thực tế, doanh nghiệp cần triển khai ba bước cốt lõi trong quy trình FTO tại Việt Nam:

- **Tìm kiếm song song hai loại quyền:** bằng sáng chế và giải pháp hữu ích
- **Phân tích tương đương theo mô hình F-W-R của NIIP:** chức năng – cách thức – kết quả
- **Xây dựng mô hình thời gian riêng cho ngành dược, không dựa vào PTE**

Khi tích hợp đầy đủ ba yếu tố này vào quy trình đánh giá, các quyết định về việc “dọn đường” cho sản phẩm sẽ phản ánh đúng cách mà rủi ro pháp lý được đo lường và xử lý tại Việt Nam, một cách thực tế, không lý thuyết.

3. Phương pháp FTO - 7 bước dành riêng cho thị trường Việt Nam

Để thực hiện một quy trình kiểm tra Tự do khai thác (Freedom-to-Operate – FTO) tại Việt Nam một cách toàn diện và chính xác, doanh nghiệp không thể bỏ qua sự hỗ trợ chuyên môn từ một hãng luật SHTT uy tín trong nước. Đây không chỉ là một lời khuyên mang tính tham khảo, mà là một yêu cầu chiến lược bắt buộc. Các đơn vị như KENFOX IP & Law Office sở hữu hệ thống cơ sở dữ liệu nội bộ độc quyền, cùng đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, bao gồm cả các cựu thẩm định viên của Cục SHTT. Họ có năng lực kỹ thuật chuyên sâu và hiểu biết thực tiễn pháp lý tại Việt Nam, những yếu tố mà các công cụ tra cứu công khai không thể cung cấp. Việc hợp tác với một đơn vị như vậy là bước nền tảng giúp doanh nghiệp vượt qua các thách thức thủ tục phức tạp, đồng thời đảm bảo rằng quá trình rà soát FTO được thực hiện dựa trên nguồn thông tin đầy đủ và chính xác nhất hiện có.

Quy trình kiểm tra Tự do khai thác (Freedom-to-Operate - FTO) chuyên nghiệp tại Việt Nam không đơn thuần là việc tra cứu từ khóa trên các cơ sở dữ liệu công khai. Đây là một quá trình có hệ thống, đòi hỏi cách tiếp cận được thiết kế riêng, phù hợp với đặc thù pháp lý và cơ chế vận hành của [hệ thống SHTT Việt Nam](#). Một quy trình FTO toàn diện thường bao gồm 7 bước sau:

Bước 1: Xác định đối tượng phân tích

Bắt đầu bằng việc xác định rõ ràng sản phẩm hoặc quy trình cần đánh giá. Việc này bao gồm phân tách các đặc điểm kỹ thuật, cấu phần hoặc bước thực hiện, sau đó đối chiếu với ngôn ngữ thường dùng trong các yêu cầu bảo hộ sáng chế. Đây là bước nền tảng giúp xác định phạm vi tra cứu một cách vừa rộng rãi vừa chính xác.

Bước 2: Tra cứu đúng cơ sở dữ liệu

Việc tra cứu phải đa chiều, các nguồn tra cứu có thể, nhưng không giới hạn ở, bao gồm:

- Trang công bố trực tuyến của Cục SHTT (WIPOPublish): Đây là trang tra cứu phổ biến được sử dụng nhiều nhất để tra cứu các đơn/bằng sáng chế nộp tại Việt Nam
- Công báo Sở hữu công nghiệp được ban hành và công bố bởi Cục SHTT: Kiểm tra việc ghi nhận hiệu lực bằng từ Cục SHTT để xác định về tình trạng pháp lý.
- Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích được công bố hàng tháng: Kiểm tra nội dung bằng độc quyền, từ đó xác định phạm vi bảo hộ của các bằng độc quyền được cấp.
- ASEAN IP Register: Kiểm tra tình trạng pháp lý mở rộng, với hệ thống dữ liệu bao phủ dữ liệu từ nhiều quốc gia trong khu vực, bao gồm cả Việt Nam.
- PATENTSCOPE của WIPO: Tra cứu đơn PCT, nhiều trong số đó có chỉ định vào Việt Nam.

Bước 3: Mở rộng phạm vi tra cứu

Hệ thống pháp luật Việt Nam bảo hộ hai loại quyền có thể cản trở hoạt động kinh doanh: Sáng chế và Giải pháp hữu ích. Vì vậy, tra cứu phải bao gồm cả hai. Cần sử dụng nhiều tiêu chí: mã phân loại sáng chế quốc tế (IPC), từ khóa bằng tiếng Anh và tiếng Việt, tên sáng chế, tóm tắt, ngày nộp đơn, ngày ưu tiên, tên chủ đơn/bằng... để bao vây chính xác các phạm vi có khả năng liên quan đến đối tượng đang tra cứu.

Bước 4: Kiểm tra tình trạng pháp lý và thời hạn hiệu lực

Giá trị của một báo cáo FTO phụ thuộc vào việc xác minh tình trạng pháp lý của các sáng chế liên quan: Đã được cấp hay đang chờ xét duyệt, có còn hiệu lực hay đã hết hạn do không nộp phí duy trì. Do thời hạn hiệu lực tối đa của bằng sáng chế là 20 năm và Việt Nam không có [cơ chế gia hạn thời hạn bảo hộ](#) (PTE), nên đối với tra cứu cho Tự do sử dụng (không phải là tra cứu tính mới), việc tra cứu có thể tập trung vào các đơn/bằng được nộp/cấp trong vòng 20 năm trước thời điểm tra cứu. Ngoài ra, nhiều thông tin quan trọng có thể không có trên cơ sở dữ liệu công khai (do chưa đến hạn công bố hoặc do các quy định về hành chính mà chỉ cho phép công bố một phần thông tin), vì vậy chuyên môn của luật sư SHTT tại Việt Nam là yếu tố không thể thay thế.

Bước 5: Đọc yêu cầu bảo hộ (và phân tích tương đương)

Đây là phần cốt lõi của phân tích FTO. Nhóm pháp lý cần đọc kỹ yêu cầu bảo hộ của các sáng chế liên quan, vì đây là phần xác định phạm vi bảo hộ pháp lý. Phân tích không chỉ dừng ở việc đọc theo nghĩa đen, mà phải áp dụng học thuyết tương đương theo phương pháp Chức năng – Cách thức – Kết quả (F-

W-R) do Viện Sở hữu trí tuệ Quốc gia (NIIP, tiền thân là VIPRI) sử dụng. Việc xây dựng bảng so sánh giữa các yếu tố kỹ thuật của đối tượng cần tra cứu và [yêu cầu bảo hộ](#) của tài liệu đối chứng là một thực tiễn hiệu quả và phổ biến.

Bước 6: Xem xét các ngoại lệ và cơ chế phòng vệ

Một báo cáo FTO toàn diện cần đánh giá các cơ chế phòng vệ có thể áp dụng trong trường hợp bị cáo buộc vi phạm. Các ngoại lệ quan trọng tại Việt Nam bao gồm:

- **Ngoại lệ Bolar / Phê duyệt lưu hành:** Việt Nam có cơ chế bồi thường giới hạn cho chủ sở hữu sáng chế trong ngành dược nếu bị chậm cấp phép, cần đặc biệt lưu ý với các công ty dược, thiết bị y tế và sinh phẩm.
- **Quyền tạm thời:** Người nộp đơn sáng chế đã được công bố có thể yêu cầu bồi thường hợp lý nếu bên thứ ba sử dụng sáng chế sau khi đã được thông báo, với điều kiện sáng chế được cấp sau đó.
- **Nhập khẩu song song (cạnh kiệt quyền):** Việt Nam áp dụng nguyên tắc cạnh kiệt quyền SHTT toàn cầu. Khi sản phẩm đã được bán hợp pháp ở bất kỳ quốc gia nào bởi chủ sở hữu sáng chế hoặc người được ủy quyền, họ không thể ngăn cản việc nhập khẩu hoặc bán lại tại Việt Nam.
- **Quyền người dùng trước:** Bên đã sử dụng sáng chế một cách thiện chí trước ngày nộp đơn có quyền tiếp tục sử dụng trong phạm vi và quy mô như trước đó.

Bước 7: Đánh giá rủi ro và đề xuất phương án xử lý

Bước cuối cùng là tổng hợp toàn bộ kết quả để đưa ra đánh giá rủi ro rõ ràng (cao, trung bình, thấp) và đề xuất chiến lược xử lý. Các phương án có thể bao gồm:

- Thiết kế lại sản phẩm để tránh phạm vi bảo hộ
- Đàm phán xin cấp phép từ chủ sở hữu sáng chế
- Thách thức tính hợp lệ của sáng chế cản trở

Đáng chú ý, Luật SHTT sửa đổi năm 2022 đã bổ sung các căn cứ mới để yêu cầu hủy bỏ sáng chế, ví dụ như thiếu khả năng thực hiện (enablement) hoặc yêu cầu bảo hộ vượt quá nội dung công bố ban đầu, có thể được sử dụng như một phần của chiến lược phòng vệ.

4. Những thách thức về cấu trúc trong bức tranh FTO tại Việt Nam

- **Hạn chế về minh bạch dữ liệu:** Các cơ sở dữ liệu sáng chế công khai của Việt Nam (ví dụ: Cục SHTT - IPVN) chủ yếu cung cấp thông tin thư mục, nhưng lại thiếu dữ liệu đáng tin cậy về tình trạng pháp lý - [sáng chế còn hiệu lực](#), đã hết hiệu lực hay đã bị từ bỏ hoặc thiếu các nội dung toàn văn của đơn sáng chế đang chờ cấp bằng. Khoảng trống này khiến việc tra cứu công khai không đủ để phục vụ mục đích thẩm định FTO (Freedom to Operate – khả năng tự do khai thác). Nguồn hồ sơ chính xác và cập nhật nhất thường chỉ dành cho đại diện SHTT hoặc thẩm định viên. Vì vậy, hợp tác với một tổ chức/hãng luật SHTT tại Việt Nam uy tín không phải là lựa chọn “nên có” mà là điều **bắt buộc**. Nếu không có quyền truy cập vào các cơ sở dữ liệu chuyên dụng và khả năng thẩm tra tại chỗ, các nhà đầu tư nước ngoài có nguy cơ đưa ra các quyết định về FTO (khả năng tự do khai thác) dựa trên thông tin không đầy đủ hoặc đã lỗi thời.
- **Rủi ro ngôn ngữ và dịch thuật:** Mọi đơn sáng chế nộp tại Việt Nam đều phải bằng tiếng Việt và các quyết định thực thi chỉ dựa trên bản tiếng Việt của bản mô tả sáng chế. Thẩm định viên Cục SHTT không có nghĩa vụ phải kiểm chứng bản dịch từ ngôn ngữ nước ngoài. Một sai sót dịch thuật, dù nhỏ, cũng có thể làm suy yếu khả năng thực thi của bằng độc quyền hoặc sai lệch phạm vi bảo hộ. Do đó, ngay cả khi tra cứu FTO cho thấy dấu hiệu có thể xâm phạm, việc rà soát sâu bản tiếng Việt có thể làm rõ ràng rủi ro đã giảm đáng kể hoặc được loại trừ. Điều này đòi hỏi các nhà đầu tư, doanh nghiệp phải có đối tác SHTT không chỉ vững pháp lý và kỹ thuật, mà còn thành thạo song ngữ và am hiểu thuật ngữ pháp lý.

5. Bài học từ thực tiễn: Nghiên cứu tình huống & tiền lệ chiến lược

Tổ tụng dân sự về [xâm phạm sáng chế](#) tại Việt Nam từ lâu thường được xem là công cụ thực thi “*thứ cấp*”, một “*mặt trận*” nhiều chướng ngại: Thủ tục kéo dài, hạn chế về chuyên môn kỹ thuật của thẩm phán, và khó khăn khi chứng minh thiệt hại. Hệ quả là nhiều chủ thể quyền SHTT ở thế phòng thủ, do dự khởi kiện. Tuy nhiên, các vụ án gần đây đang định hình lại bức tranh đó. Tòa án Việt Nam ngày càng sẵn sàng tiếp cận [các tranh chấp SHTT](#) phức tạp, chấp nhận ý kiến/chứng cứ chuyên gia nước ngoài, và áp dụng các biện pháp khắc phục có ý nghĩa thực chất.

Những nghiên cứu tình huống dưới đây cho thấy tổ tụng đã chuyển từ “phương án lý thuyết” thành một chiến lược thực thi khả thi. Mỗi vụ việc không chỉ giải quyết tranh chấp cụ thể mà còn thiết lập các tiền lệ mang tính chiến lược, định hướng lại cách thức mà chủ thể quyền, đặc biệt là chủ sở hữu sáng chế nước ngoài, có thể tiếp cận. Thông điệp rút ra là: Với cách tiếp cận đúng đắn, chủ thể quyền có thể đạt được thắng lợi mang tính quyết định và buộc bên xâm phạm phải chịu trách nhiệm.

Tên vụ việc	Vấn đề pháp lý	Kết quả	Bài học/Chiến lược rút ra
Bayer SAS kiện Công ty TNHH Thương mại Nông Phát	Xâm phạm sáng chế	Tòa buộc bị đơn chấm dứt sản xuất và phân phối các sản phẩm xâm phạm. Nguyên đơn chỉ yêu cầu chi phí luật sư làm khoản bồi thường.	Tổ tụng dân sự có thể hiệu quả , kể cả khi mức bồi thường được tuyên không lớn.
European Pharma kiện Vietnamese Infringer	Xâm phạm sáng chế được phẩm	Tòa tuyên có lợi cho nguyên đơn, buộc tiêu hủy hàng hóa, thanh toán mức bồi thường theo luật định tối đa , và xin lỗi công khai.	Tòa án sẵn sàng chấp nhận ý kiến/chứng cứ chuyên gia nước ngoài và không chấp nhận chiến thuật trì hoãn .

Trong một vụ việc khác, một công ty dược phẩm châu Âu phát hiện một doanh nghiệp Việt Nam xâm phạm bằng độc quyền sáng chế của họ đối với **dạng tinh thể của một dược chất (API)**. Chứng cứ của công ty dựa trên **thử nghiệm nhiễu xạ tia X** thực hiện tại Pháp, do trong nước chưa có năng lực kỹ thuật tương ứng. Bị đơn sử dụng chiến thuật trì hoãn bằng cách **nộp yêu cầu hủy bỏ hiệu lực** đối với bằng độc quyền sáng chế.

Tòa án tuyên **thắng kiện cho nguyên đơn**, thiết lập một số tiền lệ quan trọng. Đây là **lần đầu tiên** tòa án Việt Nam **chấp nhận ý kiến chuyên gia từ nước ngoài** làm chứng cứ trong tố tụng. Đây cũng là **lần đầu tiên** tòa **tuyên mức bồi thường theo luật định tối đa là 500 triệu đồng (khoảng 21.600 USD)**. Quan trọng hơn, **tòa không đình chỉ vụ án dân sự** trong khi chờ **quyết định hành chính** về yêu cầu hủy bỏ hiệu lực, qua đó cho thấy rằng **các chiến thuật kéo dài thời gian sẽ không làm chệch hướng** quá trình xét xử.

Vụ việc này cho thấy **hệ thống tòa án dân sự** đang trở thành [kênh thực thi quyền SHTT](#) ngày càng **hiệu quả và đáng tin cậy**, đồng thời phản ánh việc **Việt Nam đang chủ động khắc phục** các hạn chế mang tính lịch sử.

Kết luận: FTO tại Việt Nam cần một lộ trình “bản địa hóa” và có thể kiểm soát được rủi ro

Bức tranh FTO ở Việt Nam đang thay đổi theo hướng thực dụng và chi tiết hơn. Doanh nghiệp không thể chỉ dựa vào các phương pháp tra cứu công khai truyền thống để đảm bảo an toàn pháp lý khi đưa sản phẩm ra thị trường. Với hai lớp quyền cản trở (bằng sáng chế và giải pháp hữu ích), cách tiếp cận đánh giá tương đương theo chuẩn **Function-Way-Result (F-W-R)**, yêu cầu bắt buộc sử dụng bản tiếng Việt trong thẩm định, và sự thiếu minh bạch trong dữ liệu pháp lý công khai, việc tra cứu FTO đòi hỏi một quy trình bài bản và đội ngũ chuyên môn phù hợp.

Nếu được thực hiện đúng cách, FTO không chỉ là công cụ phòng vệ mà còn là đòn bẩy chiến lược. Doanh nghiệp có thể chủ động sàng lọc rủi ro từ sớm, xác minh tình trạng pháp lý tại chỗ, áp dụng chiến lược thiết kế-né (design-around), và chuẩn bị sẵn phương án xử lý bằng tổ tụng dân sự hoặc biện pháp hành chính khi cần.

KENFOX IP & Law Office là một trong [những đại diện SHTT](#) hàng đầu tại Việt Nam, với năng lực chuyên môn sâu rộng trong lĩnh vực sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và bản quyền. Đội ngũ của KENFOX bao gồm các luật sư, chuyên gia với nền tảng kỹ thuật đa lĩnh vực, cùng kinh nghiệm tranh

tụng/xử lý thực thi, chúng tôi giúp khách hàng **ra quyết định bằng dữ liệu đã được kiểm chứng tại Việt Nam** thay vì giả định, xử lý các vấn đề phức tạp từ tra cứu FTO, xác minh tình trạng pháp lý, đến đại diện tranh tụng và đàm phán cấp phép.

Nguyễn Vũ Quân | Partner, IP Attorney
Đỗ Thị Phần | Special Counsel
Đào Thị Thúy Nga | Senior Patent Attorney

Contact

KENFOX IP & Law Office

Building No. 6, Lane 12/93, Chinh Kinh Street, Nhan Chinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam

Tel: +84 24 3724 5656

Email: info@kenfoxlaw.com / kenfox@kenfoxlaw.com